

Bản án số: 320/2018/DS-PT

Ngày: 14/11/2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 329/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Văn T, sinh năm 1971; Cư trú tại: Ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Minh TU, sinh năm 1955; Cư trú tại: Ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trương Thị U, sinh năm 1963; (Vợ ông TU) (Có mặt).

3.2 Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1984; (Con ông TU) (Vắng mặt).

3.3 Anh Lê Hoàng M, sinh năm 1987; (Con ông TU) (Vắng mặt).

3.4 Anh Lê Văn Te, sinh năm 1990; (Con ông TU) (Vắng mặt).

3.5 Anh Lê Trung H, sinh năm 1990; (Con ông TU) (Vắng mặt).

3.6 Anh Lê Trương Đ, sinh năm 2001; (Con ông TU) (Vắng mặt).

3.7 Bà Lương Thị H, sinh năm 1969; (Chị ông T) (Vắng mặt).

3.8 Bà Lương Thị V, sinh năm 1967; (Chị ông T) (Vắng mặt).

3.9 Bà Lương Thị Ng, sinh năm 1969; (Chị ông T) (Vắng mặt).

3.10 Bà Lương Thị Ch, sinh năm 1973; (Em ông T) (Vắng mặt).

3.11 Ông Lương Văn P, sinh năm 1979; (Em ông T) (Vắng mặt).

3.12 Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; (Vợ ông T) (Có mặt).

3.13 Chị Lương Thị Ngọc H, sinh năm 1994; (Con ông T) (Vắng mặt).

3.14 Anh Lương Văn H, sinh năm 1996; (Con ông T) (Vắng mặt).

3.15 Chị Lương Thị Ngọc Hi, sinh năm 2003; (Con ông T) (Vắng mặt).

3.16 Chị Lương Thị Ngọc Ti, sinh năm 2006. (Cháu ông T) (Vắng mặt).

Tất cả cùng cư trú tại: ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3.17 Ông Lương Văn Th, sinh năm 1965; Cư trú tại: ấp P, xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (Anh ông T) (Vắng mặt).

3.18 Bà Bùi Thị Li, sinh năm 1971; Cư trú tại: khóm A, phường A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt).

3.19 Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1927; Cư trú tại: ấp 3, xã Bình Tân, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Lương Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Lương Văn T trình bày:*

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp ngang 3,5m dài từ mí lộ đến kênh 2/9, diện tích 119m² là của cha ông T là cụ Lương Văn B khai thác, sử dụng từ năm 1975. Vào năm 1987 cha ông T có cho bà U (hàng xóm) sử dụng 119m² đất để xà mạ và che mái nhà ở tạm. Sau đó bà U chuyển nhượng lại cho bà Bùi Thị Li, gia đình ông có ngăn cản với lý do chỉ cho bà U ở tạm, nếu bà U không ở thì trả lại cho gia đình ông chứ không được bán cho người khác. Nhưng bà U chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Li khi nào ông không biết. Năm 1996 thì bà Bùi Thị Li và ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Lê Minh TU. Do trước đây Nhà nước không cho phép đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dọc theo mé kênh nên cha ông kê khai đăng ký, nhưng thực tế đất này là do cha ông là ông Lương Văn B khai thác sử dụng có nhiều người biết và làm chứng như ông Lương Văn CH (địa chỉ: khóm A, phường A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Lương Văn Th (địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp). Nay ông T yêu cầu ông TU trả lại cho ông diện tích 118,5m² (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Bị đơn ông Lê Minh TU trình bày:*

Vào năm 1992, ông TU mua của bà Bùi Thị Li diện tích ngang 16m, dài từ lộ đến kênh 2/9 (trong đó có diện tích ông T tranh chấp ngang 3,5m, dài từ lộ đến kênh 2/9: diện tích là 118,5m²) với giá 05 chỉ vàng 24kr. Khi mua ông TU đã tìm

hiểu và biết đất này đã qua nhiều người sử dụng. Sau khi mua một ngày ông có xuống xác định ranh đất với các chủ đất lân cận, 01 cạnh giáp với đất ông Lương Văn CH (hiện nay con ông CH là anh Lương Văn Ha sử dụng), 01 cạnh giáp đất ông Lương Văn B, khi xác định ranh thì ông B xác định ranh là giáp hàng rào bạch đàn của ông B. Hiện trạng đất lúc mua có trồng một ít rau muống và mạ. Năm 1993, ông TU thuê ông Bé đào đất từ phía sau đến đổ ra phía trước để ông TU làm nền cất nhà, đến năm 1994 ông TU cất nhà. Sau đó Nhà nước yêu cầu ông TU di dời nhà để Nhà nước lấy đất làm lộ, nhưng ông TU không đồng ý nên Nhà nước không lấy đất làm lộ. Sau năm 2000, ông xây chuồng heo để nuôi heo, từ khi ông cất nhà ở và sử dụng đất để trồng cây bạch đàn, me tây, me nước và sử dụng bình thường cho đến nay không ai ngăn cản và tranh chấp với ông. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích đất 118,5m², ngang 3,5m, dài từ lộ đến mé sông giáp đất của ông Ha, thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thì ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án giữ nguyên diện tích đất hiện gia đình ông đang ở, vì đất này là đất của ông mua gia đình ông đã sử dụng ổn định từ 24-25 năm nay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà thống nhất theo trình bày và yêu cầu của ông T (chồng bà) về việc yêu cầu ông Lê Minh TU trả lại diện tích đất 118,5m² thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cho gia đình bà. Riêng bà không có yêu cầu, không có tranh chấp gì đối với ông TU.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Ngọc Hi trình bày:* Chị là con của ông Lương Văn T, chị thống nhất theo lời trình bày của cha chị, bản thân chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Ngọc Ti trình bày:* Chị là con của ông Lương Văn T, chị thống nhất theo lời trình bày của cha chị, bản thân chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H trình bày:* Anh là con của ông Lương Văn T, anh thống nhất theo lời trình bày của cha anh, bản thân anh không có tranh chấp hay yêu cầu gì từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Ngọc H trình bày:* Chị là con của ông Lương Văn T, chị thống nhất theo lời trình bày của cha chị, bản thân chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn P trình bày:* Ông là em ông T, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha ông là Lương Văn B khai thác, sử dụng từ năm 1975. Ông thống nhất theo yêu cầu của ông T, bản thân ông không khởi kiện hay yêu cầu gì với ông T, ông TU trong vụ kiện này từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Ch trình bày:* Bà là em ông T, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha bà là Lương Văn B khai thác, sử dụng từ năm 1975. Bà thống nhất theo yêu cầu của ông T, bản thân bà không khởi kiện hay yêu cầu gì với ông T, ông TU trong vụ kiện này từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Ng trình bày:* Bà là chị ông T, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha bà là Lương Văn B khai thác, sử dụng từ năm 1975. Bà thống nhất theo yêu cầu của ông T, bản thân bà không khởi kiện hay yêu cầu gì với ông T, ông TU trong vụ kiện này từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị V trình bày:* Bà là chị ông T, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha bà là Lương Văn B khai thác, sử dụng từ năm 1975. Bà thống nhất theo yêu cầu của ông T, bản thân bà không khởi kiện hay yêu cầu gì với ông T, ông TU trong vụ kiện này từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Th trình bày:* Ông là anh ông T, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha ông là Lương Văn B khai thác, sử dụng từ năm 1975. Ông thống nhất theo yêu cầu của ông T, bản thân ông không khởi kiện hay yêu cầu gì với ông T, ông TU trong vụ kiện này từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị H trình bày:* Bà là chị ông T, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha bà là Lương Văn B khai thác, sử dụng từ năm 1975. Bà thống nhất theo yêu cầu của ông T, bản thân bà không khởi kiện hay yêu cầu gì với ông T, ông TU trong vụ kiện này từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị U trình bày:* Bà là vợ ông TU, bà thống nhất theo trình bày của ông TU. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu gia đình bà trả lại diện tích đất 118,5m² thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh đồng Tháp là bà không đồng ý vì đất này là đất của vợ chồng bà mua. Yêu cầu Tòa án giữ nguyên diện tích đất hiện vợ chồng bà đang ở, vì vợ chồng bà đã sử dụng ổn định 24-25 năm nay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung H trình bày:* Anh là con ông TU, anh thống nhất theo trình bày của ông TU, bản thân anh không khởi kiện hay yêu cầu gì trong vụ kiện này từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Đ trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của cha anh ông Lê Minh TU, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Lương Văn T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh Hoàng trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của cha anh ông Lê Minh TU, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Lương Văn T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Anh Tèo trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của cha anh ông Lê Minh TU, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Lương Văn T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trương Đ trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của cha anh ông Lê Minh TU, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Lương Văn T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Li trình bày:* Nguồn gốc đất trước đây bà Li nghe nói là của bà Tê (không rõ bây giờ ở đâu). Khoảng năm 1990, bà Tê cho bà U, do bà U nghèo, bà U bán cho bà Li ngang 16m, dài từ lộ xuống mé sông. Khi bà Li mua đất có đường nước của cha ông T (ông Hai B). Hiện trạng có 02 bờ đê cao nhưng không còn sử dụng, sau đó đã san lấp. Khi bà U bán cho bà Li không có ai ngăn cản. Bà Li sử dụng được hai năm thì vợ chồng bà Li bán lại cho ông Lê Minh TU vào năm 1992, khi bán cho ông TU thì cũng không có ai ngăn cản. Do bà bán đất cho ông TU sử dụng đã lâu, nên hiện nay bà không có yêu cầu và không tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:* Hiện nay do bà già yếu, sức khỏe của bà không tốt lúc nhớ lúc quên bà không nhớ hết, nhưng có con bà là Nguyễn Thị Ỗ sống chung với bà từ năm 1987 thì biết và nhớ. Chị Ỗ trình bày nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp là của ai chị Ỗ không biết, nhưng không phải đất của ông B vì khi gia đình chị Ỗ từ Campuchia về thấy đất trống nên sử dụng, không có hỏi ai và cũng không thấy ai đến ngăn cản, sử dụng chiều ngang hơn 16m, chiều dài từ lộ đất tới mé sông, đất một cạnh giáp đất của ông B, một cạnh giáp đất của ông CH, có hàng gáo làm ranh. Trên phần đất gia đình chị sử dụng không có đường nước, mà đường nước nằm bên đất ông CH cách ranh đất (hàng gáo), ông CH đào đường nước để chạy nước từ dưới sông lên. Gia đình chị sử dụng đất được một thời gian thì bán lại cho bà Li chiều ngang khoảng 16m tới ranh đất của ông CH (không nhớ năm nào), khi bán xong gia đình chị Ỗ vẫn còn ở đó và bà Li sử dụng đất thì gia đình ông B ở giáp ranh nhưng không có ý kiến gì. Khi bà Li bán đất lại cho ông TU thì gia đình chị Ỗ biết, chị Ỗ không thấy ông B đến ngăn cản hay tranh chấp gì. Gia đình chị đã bán đất cho bà Li và bà Li bán lại cho ông TU, hiện nay giữa ông TU và ông T tranh chấp thì gia đình chị không có yêu cầu hay tranh chấp gì. Do bà U (mẹ chị) lớn tuổi, lúc nhớ, lúc không nên không thể trình bày cụ thể, chị cam kết lời khai của chị hoàn toàn sự thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự đã quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T.

2/ Giao cho hộ ông Lê Minh TU (gồm ông Lê Minh TU, bà Trương Thị U, anh Lê Văn Đ, anh Lê Hoàng M, anh Lê Văn Te, anh Lê Trung H, anh Lê Trương Đ) được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 118,5m² thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02 (trong đó có một phần diện tích nhà vệ sinh gắn liền với nhà bếp của ông TU là 1,4m², các vật kiến trúc khác như sàn nước, bậc gạch ống...và cây cối trên đất), đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể như sau:

- + Chiều ngang phía trước từ mốc 1 qua mốc 2 là 3,50m;
- + Chiều ngang phía sau từ mốc 3 qua mốc 4 là 3,50m.
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 1 đến mốc 4 là 33,85m (trong đó đoạn từ mốc 1 đến mốc 8 là 18,75m; đoạn từ mốc 8 đến mốc 5 là 4,80m và đoạn từ mốc 5 đến mốc 4 là 10,30m).
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 2 đến mốc 3 là 33,85m.

(Trong đó: Mốc 1: đo gờ về góc nhà ông TU là 19,40m và đo gờ về trụ đá ranh xác định mốc 16 là 11,50m; Mốc 2 là trụ đá: đo gờ về trụ đá gần lộ là 4,00m và đo gờ về tim đường ĐT 842 là 8,50m; Mốc 3: đo gờ về góc chuồng heo ông TU là 8,90m và đo gờ về trụ đá (mốc 4) là 3,50m; Mốc 4 (trụ đá): đo gờ về góc chuồng heo ông TU một cạnh là 10,10m, một cạnh là 6,50m và đo gờ về trụ cây (mốc 15) là 11,50m).

(Kèm theo Mẫu trích đo số 46 – 2018 ngày 19/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thị xã Hồng Ngự).

3/ Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Buộc ông Lương Văn T phải nộp 2.962.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 02453 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Ông Lương Văn T còn phải nộp thêm số tiền 2.662.000đ (hai triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

+ Ông Lê Minh TU không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 2.745.000đ, ông Lương Văn T phải chịu (đã nộp và đã chi xong).

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Lương Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông Lê Minh TU phải trả lại cho ông T diện tích đất 118,5m² theo thẩm định thực tế, thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp An Lộc, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ông T cho rằng, phần đất này ông TU đã chiếm của ông để sử dụng, vì từ trước đến nay các anh chị của ông đã sử dụng phần đất này để làm đường nước, đường nước này hiện nay bị bồi đắp, sau đó gia đình ông đặt ống cống để chạy nước tưới tiêu cho ruộng, rẫy, hầm nuôi cá của ông, đường ống dẫn qua lộ vẫn còn nằm ngang đường, nhưng ông TU đã xây dựng chuồng heo làm bít miệng cống, nên việc ông TU được sử dụng đất là không có căn cứ.

+ Bị đơn ông Lê Minh TU cho rằng năm 1992 ông mua của bà Li diện tích đất ngang 16m, dài từ lộ đến kênh 2/9, 01 cạnh giáp đất ông CH, 01 cạnh giáp đất ông B, phần đất tranh chấp ngang 3,5m, dài từ lộ đến kênh 2/9, 01 cạnh giáp đất ông CH, 01 cạnh giáp đất còn lại của ông TU, không phải là đường nước của gia đình ông T, vì từ lúc ông mua đất thì phần đất này không có đường nước nào. Còn thực tế trên đất mé lộ có đặt ống (loại ống khói) để bơm nước là do anh của ông T là ông Thanh có hỏi xin ông cho đặt ống nhựa trên mặt đất để bơm nước từ sông vào hầm cá của ông Thanh ở bên kia lộ, khi nào bơm nước thì mới đặt ống, bơm xong thì ông Thanh tháo ra. Do đó, ông TU không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông T vì đất này là đất của ông mua, gia đình ông đã sử dụng ổn định từ 24-25 năm nay, không phải đất của gia đình ông T.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Do ông T không xuất trình được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lương Thị H, bà Lương Thị V, bà Lương Thị Ng, bà Lương Thị Ch, ông Lương Văn P, bà Nguyễn Thị B, chị Lương Thị Ngọc H, anh Lương Văn H, chị Lương Thị Ngọc Hi, chị Lương Thị Ngọc Ti, ông Lương Văn Th; Bà Trương Thị U; anh Lê Văn Đ; anh Lê Hoàng M, anh Lê Văn Te; anh Lê Trung H, anh Lê Trương Đ, bà Nguyễn Thị U đều vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở để chấp nhận.

Bởi vì, về nguồn gốc phần đất tranh chấp, tuy ông T cho rằng của cha ông là ông Lương Văn B, nhưng không được ông TU thừa nhận. Thực tế đất này do bà Nguyễn Thị U đã sử dụng sau khi từ Campuchia về. Sau đó bà U chuyển nhượng lại cho bà Bùi Thị Li, bà Li chuyển nhượng cho ông Lê Minh TU năm 1992 và ông TU sử dụng đến hôm nay cất nhà ở, xây chuồng heo, trồng cây trên đất không có ai ngăn cản.

Xét lời trình bày của ông T tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/11/2018 cho rằng phần đất tranh chấp hiện trạng trước đây gia đình ông có đào đường nước để dẫn nước bơm qua lộ vào ruộng, ao nuôi cá, có người làm chứng là ông Nguyễn Văn Hiếu biết và ông T yêu cầu Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để ông T mời người làm chứng. Để đảm bảo quyền lợi cho ông T, Hội đồng xét xử đã dừng phiên tòa để triệu tập người làm chứng của ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông T không xuất trình được người làm chứng. Như vậy, xem như ông T không xuất trình được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình.

Bên cạnh đó, ông TU cũng không thừa nhận phần đất tranh chấp là đường nước, ông TU cho rằng khi ông mua đất thì đất này không có đường nước mà có một đường nước nằm bên đất của ông CH cách hàng gáo của ông TU khoảng 2 đến 3m. Bà O (con của bà Nguyễn Thị U) cũng cho rằng phần đất tranh chấp không phải là đường nước mà đường nước nằm bên đất ông CH. Trước đây khi ông Lương Văn Th là anh ruột ông T còn sử dụng cái ao phía trong lộ nuôi cá thì có hỏi nhờ ông TU để đường ống bằng nhựa trên đất tranh chấp để bơm nước từ sông vào trong ao, đoạn ngang lộ có đặt một đường ống (loại ống khói làm bằng đất sét) âm dưới đất ngang lộ, khi nào chạy nước thì đặt đầu ống nhựa vào ống này để chạy

vào ao phía trong lộ, nhưng từ khi ông Thanh không còn sử dụng ao nữa thì ông TU cũng không cho để nhờ ông nước này nữa.

[3] Ngoài ra ông T không xuất trình được chứng cứ nào khác chứng minh từ năm 1987 đến nay phần đất tranh chấp do gia đình ông T sử dụng. Mặt khác, khi mua đất thì ông TU, ông CH và ông B đã xác định ranh là hàng gáo giáp đất ông CH làm ranh giữa đất của ông CH, ông TU và hàng rào bạch đàn của ông B là ranh giữa đất ông TU và ông B. Sau khi mua đất thì gia đình ông TU sử dụng ổn định đến nay. Ranh đất của ông TU đang sử dụng tại vị trí đất tranh chấp là giáp với đất của ông Lương Văn Ha (con của ông CH), trên ranh đất ông TU có trồng cây như gáo đã nhiều năm tuổi. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông T, ông TU và ông Ha đều thừa nhận hàng cây là của ông TU trồng và ranh đất sử dụng ổn định từ trước tới nay, không ai tranh chấp. Hiện nay giữa ông Ha và ông TU cũng không tranh chấp gì đối với hàng cây và ranh đất này. Từ đó có đủ cơ sở xác định sau khi mua đất của bà U thì ông TU sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay. Do đó, xét kháng cáo của ông T về việc yêu cầu ông TU trả lại cho ông diện tích 118,5m² thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, giao phần đất tranh chấp cho hộ gia đình ông TU được quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm do ông T cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của ông. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lương Văn T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T.

2/ Giao cho hộ ông Lê Minh TU (gồm ông Lê Minh TU, bà Trương Thị U, anh Lê Văn Đ, anh Lê Hoàng M, anh Lê Văn Te), anh Lê Trung H, anh Lê Trương Đ) được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 118,5m² thuộc thửa số 802, tờ bản đồ số 02 (trong đất có một phần diện tích nhà vệ sinh gắn liền với nhà bếp của ông TU là 1,4m², các vật kiến trúc khác như sàn nước, bậc gạch ống...và cây trồng trên đất), đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp A, xã A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể như sau:

- + Chiều ngang phía trước từ mốc 1 qua mốc 2 là 3,50m;
- + Chiều ngang phía sau từ mốc 3 qua mốc 4 là 3,50m.
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 1 đến mốc 4 là 33,85m (trong đó đoạn từ mốc 1 đến mốc 8 là 18,75m; đoạn từ mốc 8 đến mốc 5 là 4,80m và đoạn từ mốc 5 đến mốc 4 là 10,30m).
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 2 đến mốc 3 là 33,85m.

(Trong đó: Mốc 1: đo gởi về góc nhà ông TU là 19,40m và đo gởi về trụ đá ranh xác định mốc 16 là 11,50m; Mốc 2 là trụ đá: đo gởi về trụ đá gần lộ là 4,00m và đo gởi về tim đường ĐT 842 là 8,50m; Mốc 3: đo gởi về góc chuồng heo ông TU là 8,90m và đo gởi về trụ đá (mốc 4) là 3,50m; Mốc 4 (trụ đá): đo gởi về góc chuồng heo ông TU một cạnh là 10,10m, một cạnh là 6,50m và đo gởi về trụ cây (mốc 15) là 11,50m).

(Kèm theo Mảnh trích đo số 46 – 2018 ngày 19/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự).

3/ Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Buộc ông Lương Văn T phải nộp 2.962.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 02453 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Ông Lương Văn T còn phải nộp thêm số tiền 2.662.000 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

+ Ông Lê Minh TU không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lương Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số BG/2015 0005199 ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Ông T không phải nộp thêm.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 2.745.000 đồng, ông Lương Văn T phải chịu (đã nộp và đã chi xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND thị xã Hồng Ngự;
- Chi Cục THA DS thị xã Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh